

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH DƯ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH DƯ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3502473929

3. Ngày thành lập: 07/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Hẻm 893/28 Đường 30/04, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0702431800

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe có động cơ khác	4511
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn đèn led ô tô. Bán buôn phụ tùng phụ kiện ô tô, xe máy	4530
8.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610

12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
14.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ bán buôn dược phẩm); Bán buôn vali, cặp, túi, hàng da và giả da khác	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn máy bơm, máy phát điện, máy chấm công	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu; bán buôn dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa, dầu mỡ nhờn, xăng dầu tinh chế (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm (trừ mua bán vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn giấy. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	4669
26.	Trồng cây lâu năm khác	0129
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)	8230
28.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
33.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án, tư vấn kiểm tra quyết toán các công trình xây dựng; Tư vấn xây dựng công trình: Hạ tầng cơ sở, cầu đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm	7110
35.	Quảng cáo	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động thiết kế trang trí nội - ngoại thất	7410
38.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn vật tư, dụng cụ, trang phục, phương tiện, đồ dùng, trang thiết bị ngành bảo hộ lao động (nón, giày, áo quần, găng tay, găng tay chống kim tiêm, chống vật nhọn sắt, găng tay leo núi, áo quần phản quang, áo phao, nệm hơi cứu hộ, dây tuột nhà cao tầng, dây leo núi, các loại khóa an toàn trên không). Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	4690
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4711
42.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Không hoạt động tại trụ sở)	1010
44.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030
45.	Sản xuất các loại bánh từ bột (Không hoạt động tại trụ sở)	1071
46.	Sản xuất sợi (không tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)	1311
47.	Sản xuất vải dệt thoi (không hoạt động tại trụ sở)	1312
48.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

49.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không hoạt động tại trụ sở)	1391
50.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở)	1392
51.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	1399
52.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Máy công nghiệp (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan và không gia công hàng đã qua sử dụng, thuộc da, luyện cán cao su tại trụ sở)	1410
53.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (không hoạt động tại trụ sở)	1430
54.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất vali, ba lô, túi xách, cặp, túi, hàng da và giả da (không hoạt động tại trụ sở)	1512
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Không hoạt động tại trụ sở)	1621
56.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	1622
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (Không hoạt động tại trụ sở)	1629
58.	In ấn (Không hoạt động tại trụ sở)	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
60.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, vécni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở)	2022
61.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở) (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
62.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
63.	Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở)	2410
64.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
65.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2512
66.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591

67.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở) (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
68.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
70.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
71.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933(Chính)
72.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
73.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
74.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
75.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc vác hàng hóa tại bến, bãi đỗ ô tô (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ kinh doanh quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke)	5911
80.	Hoạt động hậu kỳ	5912
81.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke)	5920
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
83.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
84.	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ cho thuê lại lao động)	7820
85.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ cho thuê lại lao động)	7830
86.	Đại lý du lịch	7911
87.	Điều hành tua du lịch	7912
88.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

89.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
90.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
91.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
92.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
93.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không hoạt động tại trụ sở)	3315
96.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
97.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
98.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
99.	Thu gom rác thải độc hại	3812
100.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
101.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
102.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
103.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
104.	Xây dựng nhà để ở	4101
105.	Xây dựng nhà không để ở	4102
106.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
107.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
108.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa , dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa , dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước)	4221
109.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
110.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
111.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
112.	Xây dựng công trình thủy	4291
113.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
114.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
115.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp	4299
116.	Phá dỡ	4311
117.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

118.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
119.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
120.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
121.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ gạch, ngói, đá, cát, sỏi, vật liệu xây dựng	4752
122.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
123.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
124.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
125.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG THÀNH NHÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079086008675

Ngày cấp: 30/08/2017

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và
DLQG Về Dân Cư

Địa chỉ thường trú: 28/1B Trung Đông, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 28/1B Trung Đông, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu